

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 07-01-2025

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con,  
chia tài sản khi ly hôn.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Thi.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Tống Văn Tư.

2. Bà Lê Thị Lan.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Quốc Hiền- Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 07 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 258/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Khắc H** sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Xã TC, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị Cẩm N** sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Xã MT, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

**Ngân hàng TMCP L.**

Trụ sở chính: Phường TT, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh **Trần Minh X** sinh năm 1993 (có mặt).

Thường trú: Xã HH, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

Địa chỉ liên hệ: Thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Nguyễn Khắc H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Cẩm N chung sống với nhau năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MT vào ngày 15/8/2018. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 9/2022al thì phát sinh mâu thuẫn, do chị N có lời lẽ xúc phạm và thường xuyên cự cãi mẹ anh mà anh không biết lý do, vợ chồng cũng có cự cãi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và vợ bỏ về nhà cha mẹ vợ ở ấp Mỹ Hiệp, xã MT sinh sống từ tháng 9/2022 al nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay yêu cầu được ly hôn với chị N.

- Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Cẩm H1 sinh ngày 25/6/2018 và Nguyễn Minh H2 sinh ngày 16/10/2019. Hiện cháu H1 đang sống với chị N, cháu H2 đang sống với anh. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi cháu H2, giao cho chị N nuôi cháu H1, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Có nợ Ngân hàng TMCP L và thống nhất với yêu cầu của ngân hàng.

*\* Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Trần Minh X trình bày:*

- Anh H và chị N có vay của Ngân hàng TMCP BD (nay là Ngân hàng TMCP L) số tiền 150.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số HDTD851202200145 ngày 14/4/2022 và ngân hàng đã giải ngân cho anh H và chị N xong cùng ngày. Thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất vay thả nổi. Mục đích vay vốn là bổ sung vốn trồng cam. Khi vay vốn có thể chấp quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp số 145/2022/HĐTC/PGDTamBinh ngày 14/4/2022. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng đến ngày 21/4/2024 phía người vay có vi phạm nghĩa vụ trả nợ (trả lãi trễ hạn) nên Ngân hàng yêu cầu thu hồi toàn bộ số nợ. Tính đến ngày 06/01/2025, anh H và chị N còn nợ 139.949.946 đồng vốn và tiền lãi tạm tính đến ngày 06/01/2025 là 17.376.602 đồng.

- Ngoài ra Ngân hàng có mở cho anh H 02 thẻ tín dụng (loại Visa và JCB) với hạn mức chung là 15.000.000 đồng với mục đích sử dụng là mua sắm, tiêu dùng của vợ chồng anh H. Tính đến ngày 06/01/2025, anh H và chị N còn nợ cho 02 thẻ tín dụng này là 8.105.401 đồng vốn và tiền lãi tạm tính đến ngày 06/01/2025 là 5.085.039 đồng.

Tổng cộng vốn và lãi tạm tính của các khoản nợ là 172.516.988 đồng.

Nay ngân hàng yêu cầu anh H và chị N phải thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 06/01/2025 là 172.516.988 đồng. Tiền lãi

tiếp tục được tính kể từ ngày 07/01/2025 theo hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng. Nếu anh Huy và chị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 145/2022/HĐTC/PGDTB ngày 14/4/2022.

\* Bị đơn là chị Nguyễn Thị Cẩm N đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án, không có ý kiến và yêu cầu gì.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các qui định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt đương sự: Chị Nguyễn Thị Cẩm N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt chị N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị N chung sống với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MT vào ngày 15/8/2018 nên là hôn nhân hợp pháp. Anh H cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ tháng 9/2022a1 do chị N có lời lẽ xúc phạm và thường xuyên cự cãi mẹ anh mà anh không biết lý do, vợ chồng cũng có cự cãi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và chị N bỏ về nhà cha mẹ vợ ở ấp Mỹ Hiệp, xã MT sinh sống từ tháng 9/2022 a1 nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Theo xác nhận của chính quyền địa phương (do anh H cung cấp) thì nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh H và chị N là do chị N có mâu thuẫn với mẹ chồng, chị N đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 9/2022 a1 cho đến nay. Chị N không có ý kiến mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ. Thể hiện ý chí của chị N là không muốn vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn. Mặt khác thời gian anh H và chị N sống ly thân đã lâu mà không hàn gắn được. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Huy và chị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của anh H là có cơ sở, phù hợp với Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét thấy, hiện cháu H1 đang sống với chị N, cháu H2 đang sống với anh H, anh H có đủ điều kiện để nuôi con chung, chị N không có ý kiến phản đối mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ. Do đó để đảm bảo ổn định cuộc sống và quyền lợi của cháu H1 và cháu H2 nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu H1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu H2 cho anh Huy trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh H và chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng: Do anh H không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Do anh H không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về yêu cầu trả nợ của ngân hàng: Xét thấy, anh H và chị N có vay của Ngân hàng TMCP BD (nay là Ngân hàng TMCP L) số tiền 150.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số HDTD851202200145 ngày 14/4/2022, chị N và anh H cùng ký tên vay. Thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất vay thả nổi. Mục đích vay vốn là bổ sung vốn trồng cam. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng đến ngày 21/4/2024 phía người vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ (trả lãi trễ hạn), vi phạm hợp đồng. Ngoài ra Ngân hàng có mở cho anh H 02 thẻ tín dụng (loại Visa và JCB) với hạn mức chung là 15.000.000 đồng với mục đích sử dụng là mua sắm, tiêu dùng của vợ chồng anh H và chị N. Anh H thừa nhận mục đích sử dụng vốn vay và thẻ như lời trình bày của phía ngân hàng. Chị N không có ý kiến mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ. Các khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của vợ chồng anh H và chị N nên anh H và chị N phải có nghĩa vụ trả vốn và lãi tạm tính của các khoản nợ đến ngày 06/01/2025 là 172.516.988 đồng và tiền lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 07/01/2025 theo hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng theo yêu cầu của Ngân hàng phù hợp với quy định tại các điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình và các điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của ngân hàng, xét thấy: Để đảm bảo cho khoản vay, anh H có thế chấp quyền sử dụng đất là thửa đất số 463 tờ bản đồ số 21 diện tích 2507,8m<sup>2</sup> tại xã TC, huyện T, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ cấp GCN CS09335 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 31/3/2022 theo Hợp đồng thế chấp số 145/2022/HĐTC/PGDTamBinh ngày 14/4/2022. Nếu anh H và chị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo quy định tại các điều 318, 319, 320, 321, 322, 323, 325, 326, 327 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Anh H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh Huy và chị N liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27, Điều 37, Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 318, 319, 320, 321, 322, 323, 325, 326, 327, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

**Xử:**

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Khắc H.**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho anh Nguyễn Khắc H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Cẩm N

- *Về con chung:* Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Cẩm H1 sinh ngày 25/6/2018 cho chị Nguyễn Thị Cẩm N được trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Minh H2 sinh ngày 16/10/2019 cho anh Nguyễn Khắc H được trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh H và chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần L.**

- Buộc anh Nguyễn Khắc H và chị Nguyễn Thị Cẩm N phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần L số tiền vốn và lãi tạm tính đến ngày 06/01/2025 là 172.516.988 đồng (Một trăm bảy mươi hai triệu năm trăm mười sáu nghìn chín trăm tám mươi tám đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày 07/01/2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng.

- Nếu anh H và chị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần L có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 463 tờ bản đồ số 21 diện tích 2507,8m<sup>2</sup> tại xã TC, huyện T, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ cấp GCN CS09335 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 31/3/2022 đứng tên anh Huy.

**3. Về án phí:**

- Anh Nguyễn Khắc H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp theo biên lai thu số 0015315 ngày 06/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

- Anh Nguyễn Khắc H và chị Nguyễn Thị Cẩm N liên đới chịu 8.625.849 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại Ngân hàng Thương mại cổ phần L 4.020.507 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0015782 ngày 01/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

**4. Quyền kháng cáo:** Thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày; đối với anh Nguyễn Khắc H và Ngân hàng Thương mại cổ phần L được tính từ ngày tuyên án, đối với chị Nguyễn Thị Cẩm N được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã MT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hoàng Thi**